

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR	6:00	2			2		CAPCUU
2		HST+AMD+P1	7:25	4+10+8	0+0+0		3+7+12	0+0+0	
3		P8+P6+P4	7:25	1+4+16	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
4		BK14+BK9+P5	7:25	1+7+13	0+0+0		1+0+17	0+0+0	
5		P10+P4	9:25	4+17	0+0		0+18	0+0	
6		TD3+VSP02+RC6	9:25	14+3+0	0+0+0		11+6+2	0+0+0	
7		RP1+P7	9:25	11+11	0+0		1+18	0+0	
8		TGTH1+AMD	10:25	3+12	0+0		3+16	0+0	
9		BK9+P1+P7	11:40	5+15+1	0+0+0		0+19+1	0+0+0	chuyen 2 P1-P7

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 01:40
B.CARD:	TO: SAVR	CREW: QVIỆT - MTHAO - HIẾU	ETA: 03:00
VSP FLIGHT: CAP CUU		VNHS FLIGHT: TM26/3073	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAM THI HOA	SAVR						60	DIEU DUONG	Vietnamese
2	BUI QUANG HOAN	SAVR						100	BACSY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	2	160	0	0	1	100	3		
TOTAL		2	160	0	0	1	100	3		
WEIGHT KG			160		0		100			

GRAND TOAL: 260 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
MAI VĂN THAO

☒
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: HST - AMD - P1	CREW: HUNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3064	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN NGỌC THƯ	HST	37	1	3	2	25	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HST	39	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN PHẪNG	HST	42	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ TRUNG HIẾU	HST	38	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HỮU QUYẾT	AMD	51-52	2	16	3	55	71	ABS	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	70	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG THẾ HIỀN	AMD	48	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN TẤN TRÍ	AMD	46	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	45	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ANH NGŨ	AMD	55	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÝ VĨNH THÁI	AMD	53-54	2	18			85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	71-72	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU HỮU CHỈNH	AMD	47	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	49-50	2	20			72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HUY TÂM	P1	13	1	3	1	17	56	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	11	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN THẮNG	P1	07	1	2			62	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỒNG VĂN THỊNH	P1	15	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC HẢI	P1	08-09	2	7			56	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN LINH	P1	10	1	13			62	YTE	Vietnamese
21	TRẦN CHÂU NAM	P1	14	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN LUẬN	P1	12	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	4	279	4	25	2	25	3		
2	AMD	10	701	14	114	3	55	7		
3	P1	8	553	9	62	1	17	12		
TOTAL		22	1.533	27	201	6	97	22		
WEIGHT KG			1.533		201		97			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P8 - P6 - P4	CREW: LINH - N.CƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3068	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG VĂN GIANG	P8	52-53	2	22			75	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ ĐOAN HÙNG	P6	63	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH QUẾ	P6	64	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ TRUNG DŨNG	P6	59	1	11			92	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG HỒNG HẢI	P6	65	1	12			88	KH-THAC	Vietnamese
6	MARZIEV MIKAIL	P4	37-38	2	17			82	KH-THAC	Russian
7	PODYMOV DMITRY	P4	45	1	6			140	KH-THAC	Russian
8	TRỊNH VIỆT THẮNG	P4	34,26	2	16			84	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	P4	42	1	17			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P4	39	1	8			87	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	P4	27-29	3	16			62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	31-32	2	16			54	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÂM	P4	33	1	11			65	YTE	Vietnamese
14	PHAN QUANG HÒA	P4	44	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
15	LÂM VĂN PHÚC	P4	36	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC THẮNG	P4	40-41	2	9			86	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	47	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TAM THỦY	P4	43	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG KHẮC DU	P4	46	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH HẢI	P4	35	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG THẾ ANH	P4	30	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	1	75	2	22	0	0	0		
2	P6	4	334	4	37	0	0	0		
3	P4	16	1.225	22	154	0	0	20		
TOTAL		21	1.634	28	213	0	0	20		
WEIGHT KG			1.634		213		0			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK14 - BK9 - P5	CREW: DƯƠNG - SƠN - THÀNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3071	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯƠNG TUẤN ANH	BK14	42-44	3	17			83	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC TOÀN	BK9	80	1	17	1	17	95	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN KHÁ	BK9	82-83	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN CƯỜNG	BK9	78-79	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	86-87	2	11			69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN KHẮC QUÝ	BK9	81	1	11			71	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG MẠNH HÀ	BK9	85	1	7	1	23	64	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI VÕ TRƯỜNG GIANG	BK9	88-89	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRÍ CHUNG	P5	09	1	6	1	18	56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	10	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM MINH TOÀN	P5	20-21	2	13			59	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	19	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC SƠN	P5	17	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TIẾN HIỆP	P5	18	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	13	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	06	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VIỆT LONG	P5	15-16	2	14			121	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC LAI	P5	11-12	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ANH ĐỨC	P5	08	1	7			94	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	07	1	4			66	PSV	Vietnamese
21	BÙI VĂN QUÂN	P5	14	1	3			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	1	83	3	17	0	0	1		
2	BK9	7	520	11	100	2	40	0		
3	P5	13	979	16	91	1	18	17		
TOTAL		21	1.582	30	208	3	58	18		
WEIGHT KG			1.582		208		58			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: TRANG-2	TO: P10 - P4	CREW: HUNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3065	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	P10	47-48	2	18	2	25	82	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG ĐẠO	P10	49-50	2	12	1	10	79	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ HỒNG QUÂN	P10	45	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	P10	46	1	15			122	KH-THAC	Vietnamese
5	LÂM XUÂN HẢI	P4	25	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG BẦY	P4	12	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HẢI	P4	24	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH NAM	P4	17	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÀ	P4	21-22	2	17			74	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HOÀNG PHỤNG	P4	18	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN HIỆU	P4	23	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC SƠN	P4	15-16	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MINH ĐỨC	P4	10-11	2	18			95	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HỒNG LINH	P4	14	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ANH TUẤN	P4	13	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THỪA THÁI	P4	09	1	9	3	45	66	CODIEN	Vietnamese
17	ĐÀO ĐỨC THIÊN	P4	08	1	12	1	16	75	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIÊN	P4						74	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN ÁI	P4	20	1	5			59	PSV	Vietnamese
20	LÊ CÔNG MINH	P4	19	1	5			111	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN CỬ	P4						54	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	4	353	6	59	3	35	0		
2	P4	17	1.256	18	135	4	61	19		
TOTAL		21	1.609	24	194	7	96	19		
WEIGHT KG			1.609		194		96			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD3 - VSP02 - RC6	CREW: LINH - N.CƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3069	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG MANH CUONG	TD3	80	1	3	6	110	65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH SONG HẢI	TD3	98	1	12			60	YTE	Vietnamese
3	CHÂU ĐÌNH TỬ	TD3	90	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔNG XUÂN SINH	TD3	99	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	TD3	95	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VĨNH	TD3	88	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG NAM HẢI	TD3	300	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI TIẾN THÀNH	TD3	299	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO HỮU PHƯỚC	TD3	89	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	TD3	93	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD3	92	1	16			67	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD3	91	1	6			66	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍ LINH	TD3	94	1	9	2	31	78	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	TD3	78-79	2	20			75	DVL	Vietnamese
15	LÊ HẢI NAM	VSP02	81-82	2	16			92	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02						80	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	79-80	2	8			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	14	991	15	116	8	141	11		
2	VSP02	3	232	4	24	0	0	6		
3	RC6	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		17	1.223	19	140	8	141	19		
WEIGHT KG			1.223		140		141			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: VÀNG-2	TO: RP1 - P7	CREW: DƯƠNG - SƠN - THÀNH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/3072	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ PHÚC HOÀNG	RP1	15	1	6	1	20	84	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN NĂNG KHOA	RP1	500-01	2	18	1	15	57	DUY LINH	Vietnamese
3	VŨ VĂN THANH	RP1	09-10.	2	14			56	DUY LINH	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN HÙNG	RP1	02	1	10			70	DUY LINH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP1	03-04	2	12			57	DUY LINH	Vietnamese
6	PHẠM VĂN CƯỜNG	RP1	07-08	2	14			57	DUY LINH	Vietnamese
7	LÊ MẠNH DŨNG	RP1	05-06	2	18			63	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYỄN SƠN LONG	RP1	13	1	12			62	DUY LINH	Vietnamese
9	ĐOÀN HIỆP THỌ	RP1	17	1	15			80	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH VIỆT	RP1	11-12	2	16			66	DUY LINH	Vietnamese
11	VÕ VĂN HẢI	RP1	14	1	12			78	DUY LINH	Vietnamese
12	BÙI THẾ DIỄN	P7	87	1	4	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUÝ TOÀN	P7	88-89	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG VĂN THÀNH	P7	83	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH PHONG	P7	84	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI CÔNG LAN	P7						61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN MINH	P7	82	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7						80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	81	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU NGUYỄN QUỐC HUY	P7						102	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG NGUYỄN	P7	85-86	2	9			77	YTE	Vietnamese
22	ĐÀO TUẤN CHỨ	P7						67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	11	730	17	147	2	35	1		
2	P7	11	812	9	48	1	20	18		
TOTAL		22	1.542	26	195	3	55	19		
WEIGHT KG			1.542		195		55			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:30
B.CARD: TÍM-2	TO: TGTH1 - AMD	CREW: MMINH - MANH	ETA: 12:30
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/3057	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGÔ QUANG HUẤN	TGTH1	46	1	6	2	28	67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	45	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	44	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	86	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	81	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CONG THANH	AMD	82-83	2	18			64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ LONG	AMD	80	1	9	8	150	75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NHÂN	AMD	87	1	13			82	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN HÙNG	AMD	78	1	12			80	PHATECO	Vietnamese
10	LÊ NHƯ HÙNG	AMD	79	1	9			58	PHATECO	Vietnamese
11	VŨ DUY NAM	AMD						56	PHATECO	Vietnamese
12	LƯƠNG CAO DŨNG	AMD	84	1	8			71	PHATECO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHỐ	AMD	76	1	9			62	PHATECO	Vietnamese
14	ĐINH CÔNG TRÌNH	AMD	85	1	6			80	PHATECO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HOÀN	AMD	77	1	7			71	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	3	213	3	27	2	28	3		
2	AMD	12	835	12	109	8	150	16		
TOTAL		15	1.048	15	136	10	178	19		
WEIGHT KG			1.048		136		178			

GRAND TOAL: 1.362 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

MÀU MẠNH MINH
ĐANG NGỌC MẠNH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 10/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO: BK9 - P1 - P7	CREW: LINH - VTHẮNG - HUY	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM26/3070		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ ANH DŨNG	BK9	90-91	2	20	2	20	75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	BK9	88-89	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG VŨ	BK9	86-87	2	17	1	14	49	XAYLAP	Vietnamese
4	NGHIÊM TRẦN NHẬT	BK9	91,99	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐIỀU VĂN THỐNG	BK9	28-29	2	18	1	14	66	XAYLAP	Vietnamese
6	DƯƠNG HOÀNG HIẾU	P1	25	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
7	KLING	P1	22	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HỮU CHỪNG	P1	23	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	27	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	24	1	6			128	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	32	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P1	29-30	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	19	1	3	2	35	73	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG TIẾN	P1	17	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐĂNG QUANG	P1	20	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH HIẾU	P1	28	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN HÀO	P1	18	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	P1	21	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
19	VI KHẮC THÀNH	P1	26	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM MẠNH HÙNG	P1	31	1	16			93	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NHANH	P7	91	1	6	1	18	64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	5	328	10	90	4	48	0		
2	P1	15	1.111	16	95	2	35	19	2	CHUYEN 2PAX P1-P7
3	P7	1	64	1	6	1	18	1		
TOTAL		21	1.503	27	191	7	101	20		
WEIGHT KG			1.503		191		101			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGÔ VĂN THẮNG

